**MỤC 8. NHẬN THỨC VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘ VỀ TÌNH HÌNH ĐỜI SỐNG DÂN CƯ**

1. **TÌNH HÌNH KINH TẾ CHUNG**

Câu 1. So với quý trước, cuộc sống gia đình Ông/bà có được cải thiện hơn không?

1. Cải thiện hơn
2. Như cũ
3. Giảm sút
4. Không biết
5. Từ chối trả lời

Câu 2. So với năm trước, cuộc sống gia đình Ông/bà có được cải thiện hơn không?

1. Cải thiện hơn
2. Như cũ
3. Giảm sút
4. Không biết
5. Từ chối trả lời

Câu 3. Ông/Bà dự đoán tình hình kinh tế chung của hộ gia đình trong những tháng tới sẽ như thế nào?

1. Cải thiện hơn 🡪 câu 4
2. Như cũ 🡪 câu 5
3. Giảm sút 🡪 câu 5
4. Không biết 🡪 câu 6
5. Từ chối trả lời 🡪 câu 6

Câu 4. Vì sao Ông/Bà lại dự đoán tình hình kinh tế chung sẽ cải thiện hơn?

1. Nguồn thu nhập chính sẽ tăng lên 🡪 Mục tiếp theo
2. Nguồn thu nhập phụ sẽ tăng lên 🡪 Mục tiếp theo
3. Nguồn thu nhập khác sẽ tăng lên 🡪 Mục tiếp theo
4. Không biết 🡪 Mục tiếp theo
5. Từ chối trả lời 🡪 Mục tiếp theo

Câu 5. Vì sao Ông/Bà lại dự đoán tình hình kinh tế chung sẽ như cũ/giảm sút?

1. Nguồn thu nhập chính sẽ giảm
2. Nguồn thu nhập phụ sẽ giảm
3. Nguồn thu nhập khác sẽ giảm
4. Không biết
5. Từ chối trả lời
6. **GIÁ CẢ MỘT SỐ MẶT HÀNG CHỦ YẾU**

Câu 6. Theo Ông/Bà, giá cả một số mặt hàng sau sẽ tăng, giảm hay giữ nguyên trong thời gian tới?

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Gạo |  Tăng  Giảm  Giữ nguyên KHÔNG BIẾT |
| 2. Thịt gà |  Tăng  Giảm  Giữ nguyên KHÔNG BIẾT |
| 3. Cá |  Tăng  Giảm  Giữ nguyên KHÔNG BIẾT |
| 4. Sữa |  Tăng  Giảm  Giữ nguyên KHÔNG BIẾT |
| 5. Rau |  Tăng  Giảm  Giữ nguyên KHÔNG BIẾT |
| 6. Trái cây |  Tăng  Giảm  Giữ nguyên KHÔNG BIẾT |
| 7. Đường |  Tăng  Giảm  Giữ nguyên KHÔNG BIẾT |

1. **KHẢ NĂNG TIẾT KIỆM**

Câu 7. So với hiện nay, Ông/Bà dự đoán lãi suất tiền gửi tiết kiệm ở nước ta sẽ thay đổi như thế nào trong 12 tháng tới?

1. Tăng
2. Không đổi
3. Giảm
4. Không biết
5. Từ chối trả lời

Câu 8. Trong bối cảnh kinh tế hiện nay, Ông/Bà có cho rằng thời điểm bây giờ tiết kiệm là:

1. Rất thích hợp
2. Tương đối thích hợp
3. Bình thường
4. Tương đối không thích hợp
5. Rất không thích hợp

Câu 9. Trường hợp nào sau đây miêu tả đúng nhất tình hình tiết kiệm hiện tại của hộ gia đình Ông/Bà?

1. Gia đình tiết kiệm được khá nhiều
2. Gia đình tiết kiệm được một ít
3. Gia đình chỉ đủ ăn đủ tiêu
4. Gia đình đang tiêu vào tiền tiết kiệm
5. Gia đình đang rơi vào tình trạng nợ nần

Câu 10. Trong 12 tháng tới, hộ gia đình Ông/Bà có khả năng tiết kiệm hay không?

1. Rất nhiều khả năng
2. Nhiều khả năng
3. Bình thường
4. Ít khả năng
5. Rất ít khả năng
6. **KHẢ NĂNG TÌM VIỆC LÀM**

Câu 11. Theo Ông/Bà, khả năng tìm việc làm ở nước ta hiện nay so với 12 tháng trước như thế nào?

1. Dễ hơn
2. Không đổi
3. Khó hơn
4. Không biết
5. Từ chối trả lời

Câu 12. So với hiện tại, Ông/Bà dự đoán khả năng tìm việc làm ở nước ta sẽ như thế nào trong 12 tháng tới?

1. Dễ hơn =>Câu 13
2. Không đổi =>Câu 14
3. Khó hơn =>Câu 14
4. Không biết =>Câu 15
5. Từ chối trả lời =>Câu 15

Câu 13. Vì sao Ông/Bà lại dự đoán khả năng tìm việc làm ở nước ta sẽ dễ hơn?

1. Tình hình kinh tế sẽ cải thiện
2. Nhiều doanh nghiệp thành lập
3. Tay nghề của lao động tốt hơn
4. Chính sách tạo việc làm và giải quyết việc làm hợp lý
5. Khác, ghi rõ ………………………………………..

>>Mục 5

Câu 14. Vì sao Ông/Bà lại dự đoán khả năng tìm việc làm ở nước ta sẽ không đổi/khó hơn?

1. Tình hình kinh tế sẽ xấu đi
2. Nhiều doanh nghiệp giải thể
3. Tay nghề của lao động không đáp ứng yêu cầu
4. Chính sách tạo việc làm và giải quyết việc làm chưa hợp lý
5. Khác, ghi rõ ………………………………………..

>>Mục 5

1. **MUA SẮM ĐỒ DÙNG LÂU BỀN**

Câu 15. Trong bối cảnh kinh tế hiện nay, theo Ông/Bà bây giờ có phải là thời điểm thích hợp để mua sắm các đồ dùng chủ yếu trong gia đình (đồ nội thất, thiết bị điện, điện lạnh/điện tử …) hay không?

1. Thích hợp
2. Bình thường
3. Không thích hợp
4. Không biết
5. Từ chối trả lời

Câu 16. So với 12 tháng qua, Ông/Bà dự định chi tiêu như thế nào cho mua sắm các đồ dùng chủ yếu trong gia đình?

1. Chi tiêu nhiều hơn
2. Không đổi
3. Giảm chi tiêu
4. Không biết
5. Từ chối trả lời
6. **ẢNH HƯỞNG CỦA DỊCH BỆNH/THIÊN TAI**

Câu 17. Hiện tại, hộ gia đình của Ông/Bà có chịu ảnh hưởng của dịch bệnh/thiên tai nào không?

1. Có
2. Không 🡪 Câu 22

Câu 18. Tổng chi tiêu của HGĐ Ông/Bà có bị ảnh hưởng của dịch bệnh/thiên tai này không?

1. Tăng lên
2. Giữ nguyên
3. Giảm đi

Câu 19. Trong tháng vừa qua, tổng thu nhập (hàng tháng) của HGĐ Ông/Bà có thay đổi so với trước khi xảy ra dịch bệnh/thiên tai này không?

1. Tăng lên
2. Giữ nguyên
3. Giảm đi

Câu 20. Có bất kỳ sự kiện nào sau đây ảnh hưởng tiêu cực đến kinh tế HGĐ Ông/Bà kể từ ngày xảy ra dịch bệnh/thiên tai này không?

| **Sự kiện** |  |
| --- | --- |
| 1. Mất việc |  Có  Không  KHÔNG BIẾT |
| 2. Thành viên trong gia đình không được thanh toán/không được thanh toán đầy đủ |  Có  Không  KHÔNG BIẾT |
| 3. Đóng cửa kinh doanh phi nông nghiệp |  Có  Không  KHÔNG BIẾT |
| 4. Ít việc làm, ít hoặc không có khách hàng trong công việc kinh doanh phi nông nghiệp của HGĐ |  Có  Không  KHÔNG BIẾT |
| 5. Gián đoạn chuỗi cung cung ứng trong nông nghiệp/ sản xuất kinh doanh. |  Có  Không  KHÔNG BIẾT |
| 6. Tăng giá đầu vào của nông nghiệp / kinh doanh |  Có  Không  KHÔNG BIẾT |
| 7. Giảm giá nông sản / đầu ra kinh doanh |  Có  Không  KHÔNG BIẾT |
| 8. Tăng giá các mặt hàng thực phẩm chính được tiêu thụ |  Có  Không  KHÔNG BIẾT |
| 9. Bệnh tật, thương tật hoặc tử vong của thành viên kiếm thu nhập trong gia đình |  Có  Không  KHÔNG BIẾT |
| 10. Trộm cắp / cướp bóc tiền mặt và tài sản khác |  Có  Không  KHÔNG BIẾT |
| 11. Phát sinh chi phí y tế mới |  Có  Không  KHÔNG BIẾT |
| 12. Chi phí mới khác: ví dụ chi phí mà người sử dụng lao động yêu cầu để tiếp tục làm việc như mua máy tính xách tay, thuê internet, v.v. |  Có  Không  KHÔNG BIẾT |

Câu 21. (*chỉ hỏi nếu câu 20 có ít nhất 1 câu trả lời “Có”*)

HGĐ Ông/Bà đối phó với sự kiện có ảnh hưởng tiêu cực đến kinh tế hộ gia đình kể từ ngày xảy ra dịch bệnh/thiên tai này bằng cách nào?

| **Phản ứng** | *(Không đọc các phương án, đánh dấu “X” vào tất cả các phương án được NTL đề cập đến)* |
| --- | --- |
| 1. Bán tài sản |  |
| 2. Tham gia vào hoạt động tạo thêm thu nhập |  |
| 3. Nhận được sự giúp đỡ từ bạn bè và gia đình |  |
| 4. Đi vay từ một tổ chức tài chính |  |
| 5. Mua chịu |  |
| 6. Thanh toán chậm |  |
| 7. Bán trước vụ thu hoạch |  |
| 8. Giảm tiêu thụ thực phẩm |  |
| 9. Dựa vào các khoản tiết kiệm |  |
| 10. Tạm ứng từ chủ sử dụng lao động |  |
| 11. Nhận được hỗ trợ từ Chính phủ |  |
| 12. Được bảo hiểm chi trả |  |
| 13. Không làm gì cả |  |
| 14. Đi vay từ bất kỳ nguồn cho vay không chính thức nào khác |  |
| 15. Di cư |  |
| 16. Chuyển sang công việc khác |  |
| 17. Khác, ghi rõ \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ |

Câu 22. Hộ gia đình Ông/bà có chuẩn bị nguồn lực dự phòng để chuẩn bị ứng phó ảnh hưởng của dịch bệnh/thiên tai có thể xảy ra không?

1. Có
2. Không
3. Không biết